

Số: 4084/VCB.CBTT.TH&CDKT

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

Công ty: **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam**

Mã chứng khoán: **VCB**

Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 3 934 3137

Fax: 04 3 938 7580

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Danh Lương

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04 3 934 3137

Fax: 04 3 938 7580

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

1. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 16/09/2015, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam (VCB) nhận được Công văn số 315/KTNN-TH ngày 16/09/2015 của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) về việc gửi Báo cáo kiểm toán năm 2014 cho VCB. Căn cứ trên Báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất năm 2014 đã được điều chỉnh bởi KTNN, VCB điều chỉnh số liệu BCTC năm 2014 được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập và công bố như sau:

- Do KTNN chỉ điều chỉnh Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014 nên VCB phải điều chỉnh lại toàn bộ số liệu Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ năm 2014 (Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không bị điều chỉnh) theo Phụ lục đính kèm.
- VCB điều chỉnh số liệu BCTC kiểm toán độc lập năm 2014 theo KTNN vào số liệu đầu kỳ bắt đầu từ BCTC Quý 3/2015. Các số liệu tài chính trên Báo cáo Quý 1 và Quý 2/2015 giữ nguyên không thay đổi.

- Nguyên nhân chênh lệch:

- ✓ Đối với Bảng cân đối kế toán: KTNN đã điều chỉnh kết quả phân loại nợ, tài sản cố định, chứng khoán đầu tư, các khoản mục tài sản/công nợ khác và cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng của VCB;
- ✓ Đối với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: KTNN điều chỉnh thu nhập lãi, thu nhập/chi phí dịch vụ, chi phí dự phòng và chi phí hoạt động khác của VCB.

2. Giải trình lý do chậm công bố thông tin

Nguyên nhân chậm công bố thông tin BCTC năm 2014 được điều chỉnh theo KTNN là do:

- Báo cáo kiểm toán Nhà nước chỉ điều chỉnh số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014 nên VCB phải có thời gian để hoàn thiện thêm số liệu điều chỉnh trên Bảng cân đối kế toán riêng lẻ và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ năm 2014 với lý do: số liệu của KTNN thực hiện điều chỉnh nhiều khoản mục trên sổ kế toán của các chi nhánh trong hệ thống nên VCB cần phối hợp các đơn vị trong hệ thống rà soát, điều chỉnh khớp đúng số liệu.

Thông tin này đã được công bố ngày 04/11/2015 tại trang thông tin điện tử của VCB theo địa chỉ website: www.vietcombank.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *Handwritten signature*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Danh Lương

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD (để báo cáo);
- Lưu TH&CĐKT, VT.

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư 49/2014/TT-
NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước) (trình bày lại)	31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	Chênh lệch Triệu VNĐ
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	8.323.385	8.323.385	-
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	13.267.101	13.267.101	-
III Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	146.076.521	146.066.919	9.602
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	88.909.474	88.909.474	-
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác	57.189.924	57.189.924	-
3 Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác	(22.877)	(32.479)	9.602
IV Chứng khoán kinh doanh	10.122.143	10.122.143	-
1 Chứng khoán kinh doanh	10.126.592	10.126.592	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(4.449)	(4.449)	-
V Cho vay và ứng trước khách hàng	316.253.747	316.289.043	(35.296)
1 Cho vay khách hàng	323.338.118	323.332.037	6.081
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(7.084.371)	(7.042.994)	(41.377)
VI Chứng khoán đầu tư	67.124.323	67.103.565	20.758
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	49.197.775	49.197.775	-
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	18.200.985	18.180.227	20.758
3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(274.437)	(274.437)	-
VII Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.546.171	3.546.171	-
1 Vốn góp liên doanh	693.144	693.144	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết	9.773	9.773	-
3 Đầu tư dài hạn khác	2.869.095	2.869.095	-
4 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(25.841)	(25.841)	-
VIII Tài sản cố định	4.464.529	4.445.613	18.916
1 Tài sản cố định hữu hình	2.829.004	2.811.969	17.035
a Nguyên giá	6.554.667	6.537.338	17.329
b Hao mòn tài sản cố định	(3.725.663)	(3.725.369)	(294)
2 Tài sản cố định vô hình	1.635.525	1.633.644	1.881
a Nguyên giá	2.138.297	2.136.008	2.289
b Hao mòn tài sản cố định	(502.772)	(502.364)	(408)
IX Tài sản Có khác	7.817.731	7.824.897	(7.166)
1 Các khoản phải thu	2.588.216	2.588.961	(745)
2 Các khoản lãi, phí phải thu	3.659.679	3.647.147	12.532
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.234	2.234	-
4 Tài sản Có khác	1.567.602	1.586.555	(18.953)
TỔNG TÀI SẢN CÓ	576.995.651	576.988.837	6.814

Handwritten signature

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư 49/2014/TT-
NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước) (trình bày lại)	31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	Chênh lệch Triệu VNĐ
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	54.093.072	54.093.072	-
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	43.237.798	43.237.798	-
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	33.697.181	33.697.181	-
2 Vay các tổ chức tín dụng khác	9.540.617	9.540.617	-
III Tiền gửi của khách hàng	422.203.780	422.203.780	-
IV Các công cụ phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	75.278	75.278	-
VI Phát hành giấy tờ có giá	2.208.641	2.208.641	-
VII Các khoản nợ khác	11.705.259	11.671.696	33.563
1 Các khoản lãi, phí phải trả	4.797.481	4.797.481	-
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	17.723	17.723	-
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	6.890.055	6.856.492	33.563
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	533.523.828	533.490.265	33.563
VIII Vốn và các quỹ			
1 Vốn của tổ chức tín dụng	32.420.681	32.420.681	-
a Vốn điều lệ	26.650.203	26.650.203	-
b Thặng dư vốn cổ phần	5.725.318	5.725.318	-
c Vốn khác	45.160	45.160	-
2 Quỹ của tổ chức tín dụng	4.151.991	4.151.991	-
3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	67.236	67.236	-
4 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	83.405	83.405	-
5 Lợi nhuận chưa phân phối	6.600.658	6.627.407	(26.749)
a Lợi nhuận để lại năm trước	3.509.025	3.509.025	-
b Lợi nhuận năm nay	3.091.633	3.118.382	(26.749)
6 Lợi ích cổ đông thiểu số	147.852	147.852	-
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	43.471.823	43.498.572	(26.749)
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	576.995.651	576.988.837	6.814

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	31/12/2014	31/12/2014	Chênh	
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	lệch	
	(Số kiểm toán	(Số kiểm toán	Triệu	
	Nhà nước)	độc lập)	VNĐ	
	(trình bày lại)	(đã công bố)		
STT	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (*)			
1	Bảo lãnh vay vốn	150.024	150.024	-
2	Cam kết trong giao dịch hối đoái	11.078.553	11.078.553	-
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	3.179.688	3.179.688	-
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	7.898.865	7.898.865	-
3	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	32.442.694	32.621.012	(178.318)
4	Bảo lãnh khác	21.020.044	21.020.044	-
5	Cam kết khác	567.188	567.188	-

(*) *Đã trình bày lại theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (TT49) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2015.*

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm
tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B03/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư 49/2014/TT-
NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước) (trình bày lại)	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	Chênh lệch Triệu VNĐ
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (*)	27.967.835	27.988.051	(20.216)
2 Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	(16.213.598)	(16.213.598)	-
I Thu nhập lãi thuần	11.754.237	11.774.453	(20.216)
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ (*)	3.166.943	3.166.304	639
4 Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(1.395.518)	(1.395.973)	455
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.771.425	1.770.331	1.094
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.345.079	1.345.079	-
IV Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	199.124	199.124	-
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	219.751	219.751	-
5 Thu nhập từ hoạt động khác	1.939.628	1.939.628	-
6 Chi phí hoạt động khác	(154.985)	(155.176)	191
VI Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	1.784.643	1.784.452	191
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	210.979	210.979	-
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	17.285.238	17.304.169	(18.931)
VIII TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(6.850.931)	(6.861.927)	10.996
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10.434.307	10.442.242	(7.935)
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(4.591.445)	(4.565.750)	(25.695)
XI TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	5.842.862	5.876.492	(33.630)
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.257.427)	(1.264.308)	6.881
8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(665)	(665)	-
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.258.092)	(1.264.973)	6.881
XIII LỢI NHUẬN SAU THUẾ	4.584.770	4.611.519	(26.749)
XIV Lợi ích của cổ đông thiểu số	(19.196)	(19.196)	-
XVI Lợi nhuận thuần trong kỳ	4.565.574	4.592.323	(26.749)
XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.532	1.543	(11)

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm
tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B03/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư 49/2014/TT-
NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(*) Trường hợp điều chỉnh lại theo theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (TT49) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2015, số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ thay đổi ở 2 chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu	Năm kết thúc	Năm kết thúc	Chênh lệch
	31/12/2014	31/12/2014	
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
	(Số trình bày lại	(Số kiểm toán	
	theo TT49)	Nhà nước)	
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28.222.389	27.967.835	254.554
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.912.389	3.166.943	(254.554)

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bảng cân đối kế toán riêng lẻ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B02a/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước) (trình bày lại)	31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	Chênh lệch Triệu VNĐ
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	8.322.349	8.322.349	-
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	13.266.782	13.266.782	-
III Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	147.454.544	147.444.942	9.602
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	88.667.057	88.667.057	-
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác	58.810.364	58.810.364	-
3 Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác	(22.877)	(32.479)	9.602
IV Chứng khoán kinh doanh	9.777.109	9.777.109	-
1 Chứng khoán kinh doanh	9.777.109	9.777.109	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-
V Cho vay và ứng trước khách hàng	314.278.045	314.313.341	(35.296)
1 Cho vay khách hàng	321.321.599	321.315.518	6.081
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(7.043.554)	(7.002.177)	(41.377)
VI Chứng khoán đầu tư	66.803.506	66.803.506	-
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	48.975.669	48.975.669	-
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	18.057.171	18.057.171	-
3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(229.334)	(229.334)	-
VII Góp vốn, đầu tư dài hạn	5.144.691	5.144.691	-
1 Đầu tư vào công ty con	1.599.412	1.599.412	-
2 Vốn góp liên doanh	708.415	708.415	-
3 Đầu tư vào công ty liên kết	11.110	11.110	-
4 Đầu tư dài hạn khác	2.851.595	2.851.595	-
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(25.841)	(25.841)	-
VIII Tài sản cố định	4.203.121	4.184.205	18.916
1 Tài sản cố định hữu hình	2.585.089	2.568.054	17.035
a Nguyên giá	5.897.915	5.880.586	17.329
b Hao mòn tài sản cố định	(3.312.826)	(3.312.532)	(294)
2 Tài sản cố định vô hình	1.618.032	1.616.151	1.881
a Nguyên giá	2.108.288	2.105.999	2.289
b Hao mòn tài sản cố định	(490.256)	(489.848)	(408)
IX Tài sản Có khác	7.055.375	7.062.487	(7.112)
1 Các khoản phải thu	1.764.933	1.764.784	149
2 Các khoản lãi, phí phải thu	3.657.662	3.645.515	12.147
3 Tài sản Có khác	1.632.780	1.652.188	(19.408)
TỔNG TÀI SẢN CÓ	576.305.522	576.319.412	(13.890)

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bảng cân đối kế toán riêng lẻ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B02a/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư 49/2014/TT-
NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước) (trình bày lại)	31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	Chênh lệch Triệu VNĐ
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	54.093.072	54.093.072	-
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	43.389.077	43.389.077	-
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	33.998.169	33.998.169	-
2 Vay các tổ chức tín dụng khác	9.390.908	9.390.908	-
III Tiền gửi của khách hàng	423.240.685	423.240.685	-
IV Các công cụ phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	75.278	75.278	-
VI Phát hành giấy tờ có giá	2.008.641	2.008.641	-
VII Các khoản nợ khác	10.820.312	10.807.992	12.320
1 Các khoản lãi, phí phải trả	4.814.752	4.814.752	-
2 Các khoản phải trả và công nợ khác	6.005.560	5.993.240	12.320
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	533.627.065	533.614.745	12.320
VIII Vốn và các quỹ			
1 Vốn của tổ chức tín dụng	32.375.521	32.375.521	-
a Vốn điều lệ	26.650.203	26.650.203	-
b Thặng dư vốn cổ phần	5.725.318	5.725.318	-
2 Quỹ của tổ chức tín dụng	3.973.561	3.973.561	-
5 Lợi nhuận chưa phân phối	6.329.375	6.355.585	(26.210)
a Lợi nhuận để lại năm trước	3.316.439	3.316.439	-
b Lợi nhuận năm nay	3.012.936	3.039.146	(26.210)
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	42.678.457	42.704.667	(26.210)
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	576.305.522	576.319.412	(13.890)

Handwritten signature

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bảng cân đối kế toán riêng lẻ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B02a/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư 49/2014/TT-
NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước) (trình bày lại)	31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	Chênh lệch Triệu VNĐ	
STT	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (*)			
1	Bảo lãnh vay vốn	150.024	150.024	-
2	Cam kết trong giao dịch hối đoái	11.078.553	11.078.553	-
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	3.179.688	3.179.688	-
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	7.898.865	7.898.865	-
3	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	32.442.694	32.621.012	(178.318)
4	Bảo lãnh khác	21.020.044	21.020.044	-
5	Cam kết khác	567.188	567.188	-

(*) Đã trình bày lại theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (TT49) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2015.

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ cho năm
tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B03a/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư 49/2014/TT-
NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước) (trình bày lại)	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán độc lập) (đã công bố)	Chênh lệch Triệu VNĐ
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (*)	27.822.983	27.843.199	(20.216)
2 Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	(16.248.305)	(16.248.305)	-
I Thu nhập lãi thuần	11.574.678	11.594.894	(20.216)
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ (*)	2.953.295	2.953.004	291
4 Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(1.320.858)	(1.320.858)	-
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.632.437	1.632.146	291
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.344.735	1.344.735	-
IV Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	154.929	154.929	-
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	183.816	183.816	-
5 Thu nhập từ hoạt động khác	1.937.037	1.937.037	-
6 Chi phí hoạt động khác	(149.955)	(149.955)	-
VI Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	1.787.082	1.787.082	-
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	265.306	265.306	-
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	16.942.983	16.962.908	(19.925)
VIII TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(6.723.621)	(6.735.700)	12.079
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10.219.362	10.227.208	(7.846)
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(4.572.664)	(4.546.969)	(25.695)
XI TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	5.646.698	5.680.239	(33.541)
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.197.005)	(1.204.336)	7.331
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.197.005)	(1.204.336)	7.331
XIII LỢI NHUẬN SAU THUẾ	4.449.693	4.475.903	(26.210)



Handwritten signature

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ cho năm
tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B03a/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư 49/2014/TT-
NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(*) Trường hợp điều chỉnh lại theo theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (TT49) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2015, số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ thay đổi ở 2 chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ (Số trình bày lại theo TT49)	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VNĐ (Số kiểm toán Nhà nước)	Chênh lệch Triệu VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28.076.637	27.822.983	253.654
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.699.641	2.953.295	(253.654)



Handwritten signature